

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN
ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

MÃ HIỆU : QT.NV.06
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 05/7/2022

| | SOẠN THẢO | SOÁT XÉT | PHÊ DUYỆT |
|-------------------------------|------------------|----------------------------|------------------|
| Họ và tên | Nguyễn Thị Đồng | Nguyễn Văn Tam | Lê Trai |
| Chữ ký | | | |
| Chức vụ, chức danh | Thư ký THA | Trưởng phòng NV&TCTHADS | Cục trưởng |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 2/9 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH**
- 2. PHẠM VI**
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**
- 6. BIỂU MẪU**
- 7. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 4/9 |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất trách nhiệm, thời gian thực hiện, trình tự, cách thức nhận tài sản đã kê biên đề trừ vào tiền được thi hành án.

2. PHẠM VI

Quy trình áp dụng đối với: Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng được phân công, Chấp hành viên, Kế toán, văn thư, đương sự trong vụ việc thi hành án; các phòng có liên quan gồm: Phòng Nghiệp vụ & Tổ chức thi hành án, Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, Bộ phận một cửa.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;
- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;
- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;
- Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự; Thông tư số 74/2019/TT-BTC ngày 24/10/2019 sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 216/2016/TT-BTC.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | |
|------------|--|
| 5.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; - Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 5/9 |

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| | <p>dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự; - Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự; - Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự; Thông tư số 74/2019/TT-BTC ngày 24/10/2019 sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 216/2016/TT-BTC. | | |
| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án hoặc Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án hoặc biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án; | x | |
| | 2. Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu. | | x |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | <i>01 bộ</i> | | |
| 5.4 | Thời gian xử lý | | |
| | <i>Theo quy định</i> | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | |
| | <i>Bộ phận một cửa</i> | | |
| 5.6 | Lệ phí | | |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 6/9 |

Mức phí thi hành án dân sự phải nộp theo quy định tại Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự; Thông tư số 74/2019/TT-BTC ngày 24/10/2019 sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 216/2016/TT-BTC.

5.7 Quy trình xử lý công việc

| QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC | | | | |
|----------------------------------|--|--|------------------|------------------------------------|
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | Nộp đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án | Người được thi hành án/ Người được ủy quyền | Giờ hành chính | Đơn đề nghị BM.NV.06.01 |
| | Nộp biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án | | | Biên bản thỏa thuận BM.NV.06.02 |
| | Nộp biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án | | | Biên bản giải quyết BM.NV.06.03 |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ và phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả | Bộ phận một cửa | Giờ hành chính | Phiếu nhận đơn BM.NV.06.04 |
| B3 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Cục | 01 ngày | |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 7/9 |

| | | | | |
|-----------|--|---|---------|---|
| B4 | Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đúng quy định, cần sửa chữa, bổ sung, thông báo cho người được thi hành án không quá 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chấp hành viên | 03 ngày | Văn bản thông báo cho người được thi hành án |
| B5 | Chuẩn bị hồ sơ báo cáo Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Cục về việc người được thi hành án đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án và phương án giải quyết tiếp theo | Chấp hành viên | 02 ngày | |
| B6 | Duyệt hồ sơ đề nghị | Lãnh đạo Cục | 02 ngày | |
| B7 | Thông báo cho người phải thi hành án về việc người được thi hành đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án Thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án về việc bàn giao tài sản cho người được thi hành án theo thỏa thuận để trừ vào tiền được thi hành án | Chấp hành viên | 02 ngày | Thông báo nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án BM.NV.06.05 |
| B8 | Ghi nhận ý kiến của người phải thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không nhất trí thì có quyền nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá | Người được thi hành án, người phải thi hành án/ người được ủy quyền | 30 ngày | Biên bản giải quyết BM.NV.06.03 |
| B9 | Xử lý thông tin, yêu cầu của | Chấp hành | 03 ngày | |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 8/9 |

| | | | | |
|------------|---|---|--|---|
| | người được thi hành án, người phải thi hành án - Nếu nhất trí giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án thì lên phương án giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án; - Nếu người phải thi hành án không nhất trí mà không nộp đủ số tiền thi hành án, chi phí thi hành án thì thực hiện giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án. | viên | | |
| B10 | Phê duyệt phương án giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án | Lãnh đạo Cục | 03 ngày | |
| B11 | Giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án | Chấp hành viên | Thời gian theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế | |
| B12 | Thu phí thi hành án dân sự | Chấp hành viên, Người được thi hành án | Sau khi nhận tài sản | Biên lại thu phí Quyết định thu phí BM.NV.06.06 |

6. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|-------------|--|
| 1. | BM.NV.06.01 | Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án |
| 2. | BM.NV.06.02 | Biên bản thỏa thuận về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án |
| 3. | BM.NV.06.03 | Biên bản giải quyết thi hành án dân sự |
| 4. | BM.NV.06.04 | Phiếu nhận đơn |
| 5. | BM.NV.06.05 | Thông báo về đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án |

| | | | |
|---|---|----------------|-----------|
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH | QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN | Mã hiệu: | QT.NV.06 |
| | | Ngày ban hành: | 05/7/2022 |
| | | Lần ban hành: | 01 |
| | | Trang: | 9/9 |

| | | |
|----|-------------|--------------------------|
| 6. | BM.NV.06.06 | Quyết định thu phí THADS |
|----|-------------|--------------------------|

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Hồ sơ lưu |
|-----------|--|
| 1. | Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án |
| 2. | Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án |
| 3. | Biên bản giao tài sản |
| 4. | Quyết định thu phí |
| 5. | Biên lai thu phí |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án

Kính gửi: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh

Họ và tên người đề nghị (trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền và một trong các giấy tờ sau đây: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị cư trú).....

Địa chỉ:

Họ và tên người được thi hành án

địa chỉ:

Họ và tên người phải thi hành án

địa chỉ:

Căn cứ Thông báo số.....ngày tháng.....nămcủa Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự về việc không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành, đề nghị:

1. Nội dung đề nghị:

.....
.....
.....
.....

2. Lý do:

.....
.....
.....

3. Các tài liệu kèm theo

- Quyết định thi hành án số.....ngày ...thángnăm của

- Tài liệu có liên quan khác

.....

..... ngày tháng năm 20.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc thoả thuận thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....thángnăm....., tại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng
năm.....của Cục Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà): , chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

.....
.....
Lập biên bản thoả thuận thi hành án giữa các đương sự gồm:

Bên được thi hành án, ông (bà):
địa chỉ:

Bên phải thi hành án, ông (bà):
địa chỉ:

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có).....
địa chỉ:

Nội dung thoả thuận của các đương sự:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thời hạn thực hiện thoả thuận:.....

Hậu quả pháp lý đối với việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung đã thỏa thuận.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên.

CHẤP HÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc giải quyết việc thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm 20...., tại:
.....

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Cục Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản giải quyết việc thi hành án đối với ông (bà):.....
địa chỉ:

Sau khi giải thích các quyền và nghĩa vụ của ông (bà):.....
.....về việc thi hành án theo Quyết
định thi hành án số..... ngàytháng ...nămcủa

Ông (bà):.....trình bày như sau:.....

Ý kiến của cơ quan thi hành án dân sự:
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Ông (bà):.....cam đoan lời trình bày trên đúng sự thật. Trong trường hợp có sai sót, ông (bà)..... chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên.

CHẤP HÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số:/PNĐ-CTHADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

PHIẾU NHẬN ĐƠN

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh

Nhận đơn của ông (bà):

địa chỉ:

Nội dung đơn:

.....
.....
.....
.....

Các tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI NỘP
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số:/TB-CTHADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO
Về việc người được thi hành án nhận tài sản để trừ
vào số tiền được thi hành án

Kính gửi: (người phải thi hành án)

Căn cứ khoản 2 Điều 104 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày ...tháng ... năm của Cục Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Cục Thi hành án dân sự

Căn cứ Thông báo về việc không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành ngàytháng.....năm 20... của

Căn cứ Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào số tiền thi hành án ngày.....tháng.....năm 20.... của

Ông (bà):địa chỉ:

Đồng ý nhận các tài sản đã kê biên sau để trừ vào số tiền được thi hành án:

1-.....

2-

3-.....

Trong thời hạn 30 ngày nếu người phải thi hành án không nộp đủ tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản thì Chấp hành viên sẽ giao tài sản cho người được thi hành án.

Vậy, thông báo để.....biết./.

CHẤP HÀNH VIÊN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND.....;
- Lưu: VT, HSTHA.

Số:/QĐ-CTHADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu phí thi hành án dân sự

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 60 Luật Thi hành án dân sự; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa Tòa án nhân dân.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-CTHADS ngày.....tháng.....năm của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

Căn cứ kết quả thi hành án của:thực nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu tiền phí thi hành án của:
địa chỉ:.....

Số tiền phải thu là:
(Bằng chữ)

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện KSND.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.